ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 453 /GPMT-UBND	*Lào Cai, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết thủy điện Khao Mang Thượng;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái tại Công văn số 385/CV-XTYB ngày 15/10/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Công trình thuỷ điện Khao Mang Thượng tại các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai; Công văn số 14/26/CV-XTYB ngày 30/01/2026 của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công trình thủy điện Khao Mang Thượng tại các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr-SNNMT ngày 03/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái, địa chỉ tại thôn Nả Dề Thàng, xã Khao Mang, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công trình thuỷ điện Khao Mang Thượng tại các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công trình thủy điện Khao Mang Thượng.

1.2. Địa điểm hoạt động: các xã Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200691628 đăng kí lần đầu ngày 10/12/2011, thay đổi lần thứ 17 ngày 17/4/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

1.4. Mã số thuế: 5200691628.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công nghiệp năng lượng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất: Diện tích đã thuê đất là 144,7433ha *(1.147.433,0m^2)* theo Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái *(nay là Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*.

- Nhóm dự án *(phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)*: nhóm B.

- Dự án đầu tư thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô công suất: Công suất lắp máy là 24,5 MW *(gồm 02 tổ máy, công suất của mỗi tổ là 12,25MW)*, sản lượng điện bình quân khoảng 69,221 triệu KWh/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái được cấp giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái có trách nhiệm:

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Uỷ ban nhân dân các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố tràn dầu và các sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu cơ sở có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, Chủ cơ sở phải kịp thời báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký. Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết thủy điện Khao Mang Thượng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở: Công Thương, Xây dựng và các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Uỷ ban nhân dân các xã: Mù Cang Chải, xã Khao Mang, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại giấy phép môi trường này, các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công trình thủy điện Khao Mang Thượng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải, tỉnh Lào Cai; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Các sở: NN&MT, Xây dựng, Công Thương;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Bích);
- UBND các xã: Mù Cang Chải, Khao Mang, Lao Chải;
- Cổng TTĐT tỉnh Lào Cai *(để công khai);*
- Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái;
- Lưu: VT, KT(MĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 453 /GPMT-UBND ngày 13 /02/2026 của Chủ tịch ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt: Không cấp phép xả thải, Chủ cơ sở thực hiện quản lý theo mục 1 phần B Phụ lục này.

1.2. Nước thải sản xuất:

Nguồn nước thải sản xuất: Nước rò rỉ nhiễm dầu từ hoạt động của cơ sở, nước thải nhiễm dầu phát sinh khi bảo trì, sửa chữa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý được xả ra kênh xả hạ lưu Nhà máy, sau đó xả ra suối Nậm Kim thuộc địa phận xã Khao Mang, tỉnh Lào Cai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Suối Nậm Kim thuộc địa phận xã Khao Mang, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ điểm xả nước thải *(theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu 3^0)* là: X(m) = 2419209,27; Y(m) = 422301,57.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 26,4 m^3/ngày đêm *(tương đương 1,1 m^3/giờ).*

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức ra kênh xả hạ lưu Nhà máy, sau đó xả ra suối Nậm Kim.

- Hình thức xả: Bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo chế độ hoạt động của cơ sở.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A *(hệ số K_q = 0,9; K_f =1,2)* với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Tối thiểu 01 lần/năm *(Theo đề xuất của Chủ dự án để phục vụ xây dựng Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm)*	Không áp dụng
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
3	BOD5 (20^0C)	mg/l	32,4		
4	Sunfua	mg/l	0,216		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
6	Tổng Nitơ	mg/l	21,6		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
8	Coliform	mg/l	3000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Đối với nước thải sinh hoạt

- Khu vực đập đầu mối:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn *(dung tích 8,5m^3)*, sau đó theo đường ống chảy ra suối Nậm Kim.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước rửa sàn: Được xử lý sơ bộ qua hố ga *(dung tích 0,64 m^3)*, sau đó theo đường ống chảy ra suối Nậm Kim.

+ Nước thải từ hoạt động tắm, giặt: Sử dụng chung tại khu nhà quản lý điều hành của Nhà máy thuỷ điện Khao Mang.

- Khu vực nhà máy:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn *(dung tích 12,38 m^3)*, sau đó theo đường ống dẫn về hố thu *(dung tích 0,2 m^3),* sau đó theo đường ống dẫn chảy ra suối Nậm Kim.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước rửa sàn: Được xử lý qua về hố ga *(dung tích 1,44 m^3)*, sau đó theo đường ống dẫn chảy ra suối Nậm Kim.

+ Nước thải từ hoạt động tắm, giặt: Sử dụng chung tại khu nhà quản lý điều hành của Nhà máy thuỷ điện Khao Mang.

b) Đối với nước thải sản xuất

Nước thải rò rỉ từ hoạt động của cơ sở và nước thải nhiễm dầu phát sinh khi bảo trì, sửa chữa được thu gom về bể chứa nước rò rỉ 03 ngăn *(dung tích 176,13 m^3)*, sau đó nước được bơm lên hệ thống bể lọc, tách dầu hợp khối SOSM-10 *(dung tích 5,17 m^3)* để xử lý tách dầu, sau đó chảy về bể chứa nước *(dung tích 114 m^3)*, tại đây thông qua van tay nước chảy sang bể tiêu cạn *(dung tích 199,5 m^3)* và được bơm ra kênh xả hạ lưu Nhà máy, sau đó xả ra suối Nậm Kim.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

(1) Khu vực đập đầu mối:

- Bể tự hoại: 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích khoảng 8,5m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu =2,5m x 2m x 1,7m).*

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt khu nhà vệ sinh → ngăn chứa 01 *(điều hòa, lắng, phân hủy sinh học)* → ngăn lắng 02 *(lắng, phân hủy sinh học)* → ngăn lọc 03 *(lắng, lọc, chứa)* → suối Nậm Kim.

+ Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

+ Vật liệu sử dụng: Không.

- Hố ga: 01 hố ga dung tích khoảng 0,64 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 0,8m x 0,8m x 1m)*.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ bồn rửa, nước rửa sàn → hố ga → suối Nậm Kim.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

(2) Khu vực nhà máy:

- Bể tự hoại: 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích khoảng 12,38 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 4,3m x 1,6m x sâu 1,8m)*; 01 hố thu dung tích khoảng 0,2 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 0,5m x 0,5m x sâu 0,8m)*.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt khu nhà vệ sinh → ngăn chứa 01 *(điều hòa, lắng, phân hủy sinh học)* → ngăn lắng 02 *(lắng, phân hủy sinh học)* → ngăn lọc 03 *(lắng, lọc, chứa)* → hố thu → suối Nậm Kim.

+ Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

+ Vật liệu sử dụng: Không.

- Hố ga: 01 hố ga dung tích khoảng 1,44 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 1,2m x 1,2m x 1m)*.

+ Quy trình xử lý: Nước thải từ bồn rửa, nước rửa sàn → hố ga → suối Nậm Kim.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Bể xử lý gồm: 01 bể chứa nước rò rỉ gian máy 03 ngăn dung tích 176,13 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 7,7m x 2,5 m x 9,15m);* 01 Bể lọc, tách dầu hợp khối SOSM-10 dung tích 5,17 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 2,582m x 1,484 m x 1,35m);* 01 bể chứa nước dung tích 114 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 2,5m x 2m x 22,8m*); 01 bể tiêu cạn dung tích 199,5 m^3 *(kích thước dài x rộng x sâu = 3,5m x 2,5m x 22,8 m).*

+ Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất → bể chứa nước rò rỉ → Bể lọc, tách dầu hợp khối SOSM-10 → bể chứa → bể tiêu cạn → suối Nậm Kim.

+ Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

+ Vật liệu sử dụng: Cát, mút thấm dầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường theo quy định.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và trang bị thiết bị dự phòng thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải sản xuất sau xử lý không đáp yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này, dừng hoạt động xả nước thải ra nguồn tiếp nhận; tiến hành kiểm tra, khắc phục; ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để thực hiện chuyển giao, xử lý trong trường hợp sự cố kéo dài, các bể xử lý không đủ năng lực lưu chứa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực.

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý nước thải có công suất 26,4 m^3/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Bể chứa nước thải đầu vào.

+ Cuối đường ống nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép tương ứng quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu: Trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)*, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A của phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra Nậm Kim.

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý, xả nước thải của cơ sở.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)*. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)*.

- Công ty Cổ phần Xuân Thiện Yên Bái chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 453 /GPMT-UBND ngày 13 /02/2026 của Chủ tịch ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu từ hoạt động của các tổ máy phát điện *(02 tổ máy)*, máy phát điện dự phòng khu vực nhà máy.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	*Khu vực thông thường*

2.2 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	*Khu vực thông thường*

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Dự án đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2010/BNNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 453 /GPMT-UBND ngày 13 /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại *(CTNH)*, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Cặn sơn thải (bao gồm cả vỏ, hộp đựng sơn thải bỏ)	08 01 01	Rắn	7
2	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	13
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	4
4	Dầu bôi trơn (từ động cơ, hộp số thiết bị nhà máy)	17 02 02	Lỏng	80
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	19
6	Mỡ bôi trơn thải bỏ	17 07 04	Rắn	10
7	Vỏ can, thùng chứa dầu mỡ bôi trơn thải bỏ	18 01 03	Rắn	3
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	180
10	Các bộ phận hỏng của máy móc dính dầu mỡ	19 12 02	Rắn	21
11	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	Lỏng	700
	Tổng cộng			**1.052**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	5
2	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải *(phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt)*	60

3	Chất thải trôi từ thượng nguồn về lòng hồ (cành cây, lá cây, tre nứa…)	12.000
	Tổng cộng	**12.065**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 912,5 Kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa kín có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa CTNH:

+ Kho lưu giữ CTNH: 01 kho.

+ Diện tích: 10 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền láng xi măng, mặt sàn kín, không bị thẩm thấu, mái tôn, xung quanh xây tường bằng gạch, dán nhãn, biển cảnh báo, bình chữa cháy và thiết bị, vật liệu phòng chống sự cố môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy.

- Kho lưu chứa: Không bố trí.

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại tại nguồn, tập kết tại các thùng chứa rác loại 60 lít có nắp kín và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ Nậm Kim phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường *(được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025).*

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo

quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Khao Mang - Khao Mang Thượng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 835/QQĐ-UBND ngày 26/4/2024. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết thủy điện Khao Mang Thượng; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thực hiện rà soát, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất tại cơ sở.

3. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình dự án đi vào vận hành; duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu sau đập theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; quy trình vận hành hồ chứa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Thực hiện theo dõi, quan trắc, giám sát chặt chẽ các yếu tố khí tượng thủy văn trên lưu vực hồ *(như: đảm bảo dự báo được lưu lượng lũ về hồ, xác định thời gian xuất hiện đỉnh lũ, xây dựng các kịch bản điều tiết lũ ứng với từng trận mưa,...)* phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh

báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình hoạt động.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng *(chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện)* không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

10. Lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (có hiệu lực từ ngày 10/02/2026);

11. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Nhà máy;

12. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến cơ sở khi được yêu cầu.

13. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.